

Tân Phú, ngày 25 tháng 01 năm 2024

Số: 30/2024/QĐST-DS

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 17 tháng 01 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 544/2023/TLST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2023.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần N; Trụ sở: A T, phường L, quận H, Tp .; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Khắc H (Giấy ủy quyền số 073/UQ-TBN-HCNS ngày 20/11/2023); Địa chỉ: A T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Công T, sinh năm 1982; Thường trú: Công Thành, Q, huyện C, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Tạm trú: D Hồ H, phường C, Quận A, TP .

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số nợ:

Hai bên cùng xác nhận ông Nguyễn Công T còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần N tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 16/01/2024 là 1.830.339.676 (một tỷ tám trăm ba mươi triệu ba trăm ba mươi chín ngàn sáu trăm bảy mươi sáu) đồng; trong đó tổng nợ gốc là 1.686.813.279 (một tỷ sáu trăm tám mươi sáu triệu tám trăm mười ba ngàn hai trăm bảy mươi chín) đồng (trong đó nợ vay 1.539.694.850, nợ thẻ tín dụng là 147.118.429 đồng); trong đó tổng nợ lãi và phí là 143.526.397 (một trăm bốn mươi ba triệu năm trăm hai mươi sáu ngàn ba

trăm chín mươi bảy) đồng (trong đó nợ lãi vay trong hạn là 134.416.723 đồng, nợ lãi phạt là 1.378.909 đồng; nợ lãi và phí thẻ tín dụng là 25.785.269 đồng) theo Hợp đồng cho vay số 179/TBN-TKY/21DH ngày 29/12/2021 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo giấy nhận nợ số số 01; Đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng thẻ tín dụng số 115/TBN-TKY/21TE ngày 30/12/2021 được ký kết giữa hai bên.

## 2.2 Về trách nhiệm thanh toán:

Ông **Nguyễn Công T** có trách nhiệm thanh toán cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần N** tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 16/01/2024 là 1.830.339.676 (một tỷ tám trăm ba mươi triệu ba trăm ba mươi chín ngàn sáu trăm bảy mươi sáu) đồng; trong đó tổng nợ gốc là 1.686.813.279 (một tỷ sáu trăm tám mươi sáu triệu tám trăm mười ba ngàn hai trăm bảy mươi chín); tổng nợ lãi và phí là 143.526.397 (một trăm bốn mươi ba triệu năm trăm hai mươi sáu ngàn ba trăm chín mươi bảy) đồng.

## 2.3. Thời gian và phương thức thanh toán:

Ghi nhận sự tự nguyện của **Ngân hàng Thương mại Cổ phần N** cho ông **Nguyễn Công T** thanh toán tổng số tiền là 1.830.339.676 đồng; trong đó tổng nợ gốc là 1.686.813.279 đồng; tổng nợ lãi và phí là 143.526.397 đồng trong thời hạn 03 tháng, chia làm 03 đợt cụ thể như sau:

Đợt 1: Chậm nhất ngày 17/02/2024 ông **Nguyễn Công T** thanh toán 610.113.225 (sáu trăm mười triệu một trăm mười ba ngàn hai trăm hai mươi lăm) đồng.

Đợt 2: Chậm nhất ngày 17/03/2024 ông **Nguyễn Công T** thanh toán 610.113.225 (sáu trăm mười triệu một trăm mười ba ngàn hai trăm hai mươi lăm) đồng.

Đợt 3: Chậm nhất ngày 17/4/2024 ông **Nguyễn Công T** thanh toán hết số tiền còn lại.

Kể từ ngày 17/01/2024 ông **Nguyễn Công T** còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số 179/TBN-TKY/21DH ngày 29/12/2021 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo giấy nhận nợ số số 01; Đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng thẻ tín dụng số 115/TBN-TKY/21TE ngày 30/12/2021 cho đến khi ông **T** thanh toán xong khoản nợ gốc.

Nếu ông **Nguyễn Công T** không trả số nợ gốc trong hạn và lãi vay nêu trên, và vi phạm bất kỳ kỳ hạn thanh toán nào đã thỏa thuận thì **Ngân hàng Thương mại Cổ phần N** có quyền yêu cầu thi hành một lần toàn bộ số nợ còn



thiếu và có có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 508, tờ bản đồ số 70, tọa lạc tại địa chỉ 6 Ấp D, xã T, huyện H, TP. theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 238128, số vào sổ cấp GCN: CH00631 do UBND Huyện H cấp ngày 12/10/2012 cho chủ sở hữu là ông Nguyễn Công T để thu hồi nợ.

Sau khi ông Nguyễn Công T thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ hoặc tất toán toàn bộ khoản vay thì Ngân hàng thương mại Cổ phần N phải có trách nhiệm giải chấp và trả lại Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho chủ sở hữu.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần N có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Công T để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

- Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 10.000.000 (mười triệu) đồng do Ngân hàng thương mại Cổ phần N tự nguyện chịu.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Là 33.455.095 (ba mươi ba triệu bốn trăm năm mươi lăm ngàn không trăm chín mươi lăm) đồng.

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần N tự nguyện chịu án phí là 16.727.548 (mười sáu triệu bảy trăm hai mươi bảy ngàn năm trăm bốn mươi tám) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Ngân hàng Thương mại Cổ phần N đã nộp theo biên lai thu số 0006994 ngày 27/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú. H1 lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N số tiền 15.752.932 (mười lăm triệu bảy trăm năm mươi hai ngàn chín trăm ba mươi hai) đồng theo biên lai thu trên.

- Ông Nguyễn Công T tự nguyện chịu án phí dân sự là 16.727.548 (mười sáu triệu bảy trăm hai mươi bảy ngàn năm trăm bốn mươi tám) đồng.

Địa điểm thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.Tân Phú;
- THA DS Q.Tân Phú;
- Lưu hồ sơ. (Vinh).

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Thanh Hương**